

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 13

Sa-môn Đạo Nguyên đời Tống soạn

Pháp Tự Của Nam Nhạc Hoài Nhượng Và Tào Khê Biệt Xuất: 70 người.

**Pháp Tự Đời Thứ Bảy Của Nam Nhạc Hoài Nhượng
Tào Khê Biệt Xuất Đời Thứ Nhất**

A- PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TUỆ THANH núi BA TIÊU: 4 người,
2 người được ghi chép:

- 1- Thiên sư Thanh Nhượng Hưng Dương Dĩnh Châu
- 2- Thiên sư Pháp Mãn núi U Cốc Dĩnh Châu

B- PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TƯ PHƯỚC NHƯ BẢO CÁT CHÂU:
4 người, 3 người được ghi chép:

- 1- Thiên sư Tư Phước Trinh Thúc ở Cát Châu
- 2- Hòa thượng Phước Thọ ở Cát Châu
- 3- Hòa thượng Lộc Uyển ở Đàm Châu

C- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG NAM VIỆN NHỮ CHÂU: 1
người được ghi chép:

- Thiên sư Phong Huyệt Diên Chiêu Nhữ Châu

D- PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TÂY VIỆN TƯ MINH NHỮ CHÂU: 1
người được ghi chép:

- Thiên sư Hưng Dương Qui Tĩnh Dĩnh Châu

E- PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TUỆ LÂM HỒNG CỨU THIÊU
CHÂU: 1 người được ghi chép:

- Hòa thượng Linh Thoại (Thụy) Thiêu Châu.

Pháp Tự Đời Thứ Tám Của Nam Nhạc Hoài Nhượng

F- PHÁP TỰ của THIÊN SƯ PHONG HUYỆT DIÊN CHIÊU: 4
người, 2 người được ghi chép:

- 1- Thiên sư Quảng Tuệ Chân Nhữ Châu
- 2- Thiên sư Thủ Sơn Tĩnh Niệm Nhữ Châu

G- PHÁP TỰ của ĐẠI SƯ BÁO TUỆ QUI CHÂN ĐỨC THIỀU ĐÀM CHÂU: 2 người được ghi chép:

- 1- Thiên sư Chí Khiêm núi Tam Giác Kỳ Châu
- 2- Thiên sư Hưng Dương Từ Đạt Dĩnh Châu

Pháp Tự Đòi Thứ Chín Của Nam Nhạc Hoài Nhượng

H- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ THỦ SƠN TỈNH NIỆM NHỮ CHÂU: 1 người được ghi chép:

- Thiên sư Thiện Chiêu Phần Châu.

Tào Khê Biệt Xuất Đòi Thứ Hai

I- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG ĐỊNH CHÂU núi LA PHÙ: Một người.

- Thiên sư Linh Vận núi La Phù (*Không cơ duyên ngữ cú, không ghi chép*).

J- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG ĐẠO TẦN núi CHẾ KHÔNG: 1 người.

- Thiên sư Huyền Giác Kinh Châu (*Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép*).

K- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG THIỆN NGỘ HẠ HỒI ĐIỀN THIỀU CHÂU: Một người.

- Thiên sư Thiện Ngộ (*Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi*)

L- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG BỒN TỊNH núi TƯ KHÔNG: 1 người.

- Trung sư Dương Quang Đình (*Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép*).

M- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG DUYÊN TỔ: Hai người.

- 1- Thiên sư Tiêu Đạo Tấn Thiều Châu
 - 2- Thiên sư Du Tịch Thiều Châu
- (*Cả hai người trên không cơ duyên ngữ cú nên không ghi chép*)

N- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG KỶ ĐÀ: 1 người.

- Thiên sư Đạo Thiển Hành Châu (*Không cơ duyên ngữ cú nên không ghi chép*).

O- PHÁP TỰ của QUỐC TRUNG NAM DƯƠNG: 5 người, 1 người được ghi chép:

* Thiền sư Chân Ứng núi Đam Nguyên

- Hoàng Đế Đường Túc Tông
- Hoàng Đế Đường Đại Tông
- Tôn Tri Cổ ở Khai Phong
- Thiền sư Hương Nghiêm Duy Giới

(Bốn người nêu trên (-) không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).

P- PHÁP TỰ của ĐẠI SƯ HÀ TRẠCH THẦN HỘI LẠC DƯƠNG:

18 người, hai người được ghi chép.

1- Thiền sư Nam Ấn Ích Châu

2- Phủ doãn Hà Nam Lý Thường

- Thiền sư Phước Lâm núi Đại Thạch Hoàng Châu
- Thiền sư Quang Bảo Mông Sơn Hân Thủy
- Thiền sư Pháp Như Từ Châu
- Thiền sư Tân Bình núi Tây Ân, quận Hoài An
- Thiền sư Tuệ Diễn Lễ Dương
- Thiền sư Hoài Không Hà Dương
- Thiền sư Viên Chấn Nam Dương
- Thiền sư Quảng Phu Nghi Xuân
- Thiền sư Hành Giác Giang Lăng
- Thiền sư Thần Anh núi Ngũ Đài
- Thiền sư Vô Danh núi Ngũ Đài
- Thiền sư Hạo Ngọc Nam Nhạc
- Thiền sư Chí Mãn Tuyên Châu
- Thiền sư Lăng Phú Châu
- Thiền sư Linh Thản Quảng Lăng
- Thiền sư Thông An Ninh Châu

(Cả 16 người nêu trên (-) không cơ duyên, ngữ cú không được ghi chép)

Tào Khê Biệt Xuất Đồi Thứ Ba

Q- PHÁP TỰ của THIÊN SƯ THIỆN NGỘ HẠ HỒI ĐIỀN: 1 người.

- Thiền sư Vô Học Đàm Châu *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).*

R- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG ĐẠO THIÊN HÀNH CHÂU: 1 người.

- Thiền sư Như Bảo Hồ Nam *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép)*.

S- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG CHÂN ỨNG núi ĐAM NGUYÊN: 1 người.

- Thiền sư Trinh Thúy Cát Châu *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép)*.

T- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG PHÁP NHƯ TỪ CHÂU: 1 người.

- Thiền sư Duy Trung Kinh Nam *(Không cơ duyên, ngữ cú không được ghi chép)*.

U- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG HOÀI KHÔNG HÀ DƯƠNG: 1 người.

- Thiền sư Đạo Minh Tế Châu *(Không cơ duyên ngữ cú nên không ghi chép)*.

V- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ VIÊN CHÂN núi Ô NHA: 2 người.

1- Ngô Đầu Đà

2- Thiền sư Pháp Trí núi Tứ Diện

(Cả 2 người này không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).

X- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ VÔ DANH núi NGŨ ĐÀI: 1 người.

- Đại sư Trừng Quán Hoa Nghiêm núi Ngũ Đài *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép)*.

Y- PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG NAM ÁN ÍCH CHÂU: 1 người.

- Thiền sư Nghĩa Phủ *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép)*.

Tào Khê Biệt Xuất Đòi Thứ Tư

Z- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ DUY TRUNG KINH NAM: 4 người.

(Thiền sư Trung cũng gọi là Nam Ấn)

1- Thiền sư Đạo Viên

2- Thiền sư Như Nhất Ích Châu

3- Thiền sư Thần Chiếu Phụng Quốc

4- Thiền sư Nhã Đông Lâm Lô Sơn

(Cả bốn người này không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).

ZI- PHÁP TỰ của NGÔ ĐẦU ĐÀ: 1 người.

- Thiền sư Huyền Cốc *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép)*.

Tào Khê Biệt Xuất Đòi Thứ Năm

Z2- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ ĐẠO VIÊN TOẠI CHÂU: 1 người được ghi chép:

- Thiền sư Khoa Phong Tông Mật núi Chung Nam

Z3- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ THẦN CHIẾU PHỤNG QUỐC: 3 người.

1- Thiền sư Thường Nhất Trấn Châu

2- Thiền sư Trí Viễn Hoạt Châu

3- Thiền sư Huyền Thúy Lộc Đài

(Cả ba người này đều không có cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).

Tào Khê Biệt Xuất Đòi Thứ Sáu

Z4- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ KHOA PHONG TÔNG MẬT: 6 người.

1- Thiền sư Khoa Phong Ôn

2- Thiền sư Thái Cung chùa Từ Ân

3- Thiền sư Thái Tích chùa Hưng Thiện

4- Thiền sư Tông chùa Vạn Thừa

5- Thiền sư Giác

6- Thiền sư Nhân Du chùa Hóa Độ

(Cả sáu người nêu trên không có cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).

Z5- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ HUYỀN THÚY LỘC ĐÀI: 1 người.

- Thiền sư Long Hưng Niệm *(Không cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).*

Z6- PHÁP TỰ của THIỀN SƯ TRÍ VIỄN HOẠT CHÂU: 4 người.

1- Thiền sư Bành Môn Phan Dụng

2- Thiền sư Viên Chiếu

3- Thiền sư Thượng Phương Chân

4- Thiền sư Đông Kinh Pháp Chí

(Cả bốn người nêu trên không có cơ duyên ngữ cú, nên không ghi chép).

THIÊN SƯ THANH NHƯỢNG
núi HÙNG DƯƠNG ở DĨNH CHÂU
PHÁP TỰ ĐỒI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TUỆ THANH núi BA TIÊU DĨNH CHÂU

Tăng hỏi:

- Phật Đại Thông Trí Thắng từ mười kiếp nay đạo tràng Phật pháp không xuất hiện, không thành đạo Phật thì thế nào?

Sư nói:

- Câu hỏi này thật xác đáng.

Chú: Nguyên văn 'Đế đưong' là xác đáng, thỏa đáng.

Tăng hỏi:

- Nếu đã ngồi đạo tràng, vì sao lại không thành đạo Phật?

Sư đáp:

- Vì ngài không thành Phật.

THIÊN SƯ PHÁP MÃN

A- Tiểu sử tối lược giản:

Thiền sư Pháp Mãn, ước tại thế khoảng trước sau nửa đầu thế kỷ thứ 10. Sư đặc pháp với Thiền sư Ba Tiêu Tuệ Thanh, trụ núi U Cốc Hồng Châu (nay là dãy Nam Xương Giang Tây).

B- Trích ngữ lục:

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư lặng thinh hồi lâu hỏi:

- Lãnh hội không?

Tăng đáp:

- Không lãnh hội.

Sư nói:

- Trong lúc đàm luận về đạo, có lời mà không có tiếng, nêu lên và cáo giới ý chỉ áo diệm. Thiền đạo cần lãnh hội ngay, không nên để sự việc qua rồi mới từ từ mài giũa.

**THIÊN SƯ TƯ PHƯỚC TRINH THÚY ở CÁT CHÂU
PHÁP TƯ ĐỜI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TƯ của THIÊN SƯ TƯ PHƯỚC NHƯ BẢO ở CÁT CHÂU**

Tăng hỏi:

- Hòa thượng thấy người xưa đặc chỉ ý gì mà hư hiết?

Chú: Nguyên văn 'Hiết', hàm ý lãnh ngộ Thiền chỉ. hoàn thành việc lớn tu học.

Sư làm vòng tròn khái thị.

Chú: Nguyên văn 'Viên tướng', tức hình vòng tròn. Thiền tăng thường dùng cây xơ quất, cây như ý, cây gậy, hoặc ngón tay vẽ trên mặt đất một vòng tròn, hoặc có lúc dùng bút mực mà vẽ. Tương truyền việc vẽ hình tròn này khởi phát từ đời Quốc sư Tuệ Trung.

Hỏi:

- Thế nào là điệu ca của người xưa?

Chú: Ca hoặc xướng tụng trung cho Thiền pháp.

Sư cũng lại vẽ hình tròn khái thị.

Hỏi:

- Thế nào là một câu tối sơ?

Chú: Nguyên văn 'Tối sơ cú', là câu nói đầu tiên, giúp người học ngay nơi câu ấy mà đại ngộ. Đây là một câu nói vượt ngoài lời lẽ. Cũng còn nói cách khác ngược lại là 'Mạt hậu cú' tức câu nói sau cùng. Tuy nói ngược nhau nhưng nghĩa vẫn là một.

Sư nói:

- Khi chưa hoàn bị thế giới thì Xà-lê cũng có tại đó rồi.

Hỏi:

- Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải cuốn chiếu, ý thế nào?

Sư lặng thinh hồi lâu. Hỏi:

- Người xưa nói 'Trước ba ba sau lại ba ba', ý thế nào?

Chú: Chỉ việc rất khó xảy ra, lấy từ sự tích sau: Xưa có vị Phật Bát Niết Bàn. Có một tín nữ xây tháp cúng dường. Công việc được 32 người nữa giúp sức (tức trước 33). Sau biết bao kiếp, vị tín nữ đó đầu sanh làm chúa trên cõi trời Đao Lợi thì 32 người giúp sức xây tháp trước kia cũng đầu sanh lên cõi trời Đao Lợi làm quan phò tá cho vị tín nữ (tức sau cũng 33).

Sư hỏi:

- Ông tên gì thế?

Tăng đáp:

- Mỗ giáp.

Chú: Cũng như tiếng Việt mình nói tên Xoài, tên Mít nào đó.

Sư nói:

- Uống trà đi !

Sư nói với đại chúng:

- Cách sông thấy cây cột phước của Tư Phước ta mà co giò rút lui ngay thì cũng đáng ăn 30 gậy, huống hồ qua sông tới đây !

Lúc ấy, có ông tăng vừa bước ra, sư nói:

- Không thể cùng bàn bạc nổi đâu.

Hỏi:

- Thế nào là tâm của Phật xưa?

Sư đáp:

- Sông núi, đất đai cả thế giới.

HÒA THƯỢNG PHƯỚC THỌ CÁT CHÂU
PHÁP TỰ ĐỒI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của TƯ PHƯỚC NHƯ BẢO

Tăng hỏi:

- Tổ ý (chỉ ý của Thiên tông) và Giáo ý (Giáo nghĩa của Giáo tông) giống hay là khác nhau?

Sư bèn dang hai tay ra.

Hỏi:

- Văn Thù cưới sư tử, Phổ Hiền cưới voi, xin hỏi đức Thích Ca Mâu Ni cưới con gì?

Sư đưa tay lên nói:

- Tà ! Tà !

HÒA THƯỢNG LỘC UYÊN ĐÀM CHÂU
PHÁP TỰ ĐỜI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của THIỀN SƯ TƯ PHƯỚC NHƯ BẢO

Tăng hỏi:

- Các nước khác có gọi Phật bằng tên khác không?

Sư vẽ hình tròn khai thị.

Hỏi:

- Thế nào là một con đường Lộc Uyên?

Sư nói:

- Lưỡi con két hỏi đi nào.

Chú: Nguyên văn 'Cát liểu' tức Tàn cát liểu, là loài chim thuộc họ két, vẹt nhưng lớn con hơn.

Hỏi:

- Thế nào là khép cửa đóng xe?

Sư đáp:

- Cầu đá ở Nam Nhạc.

Tăng hỏi:

- Thế nào là ra khỏi cửa ăn khớp vết bánh xe?

Sư đáp:

- Trên đầu gậy quảy giày cỏ.

Chú: Nguyên văn 'Bế môn tạo xa, xuất môn hiệp triệt', chữ lấy ở sách Trung Dung.

Sư thượng đường dang tay ra nói:

- Mệnh căn của lão Hòa thượng và chư thượng tọa khắp thiên hạ đều tại nơi đây.

Có ông tăng bước ra nói:

- Có thầy được không vậy?

Sư nói:

- Cây cầu đá ở Thiên Thai nghiêng đổ.

Tăng nói:

- Mồ đây thì không thể.

Sư nói:

- Kính mong thượng hưởng !

Chú: Nguyên văn 'Phục duy thượng hưởng', đây là câu nói sau cùng trong các bài văn tế cúng quý thân, có nghĩa kính mong các ngài hưởng dụng cho.

Hỏi:

- Thế nào là đức Thế Tôn không nói mà nói? (Hoặc “Nói cái không nói”)

Sư nói:

- Núi Tu-di đổ.

Hỏi:

- Thế nào là Ca Diếp không nghe mà nghe? (Hoặc “Nghe cái không nghe”)

Sư nói:

- Biển cả khô cạn.

Chú: Nguyên văn 'Bất thuyết thuyết, bất văn văn'

THIÊN SƯ PHONG HUYỆT DIÊN CHIÊU ở NHỮ CHÂU PHÁP TỰ ĐỜI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG PHÁP TỰ của HÒA THƯỢNG NAM VIỆN ở NHỮ CHÂU

Sư người Hàng Châu. Ban đầu, sư phát tích nơi đại sư Cảnh Thanh Thuận Đức ở Việt Châu, nhưng không ngộ được điều tối diệu! Sau sư đến viện Hoa Nghiêm ở Tương Châu gặp thượng tọa Thủ

Khuếch, là thị giả của Hòa thượng Nam Viện ở Nhữ Châu, bèn ngằm tìm hiểu Tông chỉ của Nam Viện. Vừa gặp Nam Viện, sư không lễ bái mà hỏi ngay:

- Vào cửa phải biện biệt rõ ràng, xác đáng thế nào thỉnh sư phân!

Nam Viện lấy tay trái chống gối, sư hét lên. Nam Viện lấy tay phải chống gối, sư lại hét. Nam Viện đưa tay trái lên nói:

- Cái này là từng theo Xà-lê.

Lại đưa tay phải lên nói:

- Còn cái này thì làm gì?

Sư nói:

- Mắt mù.

Nam Viện đang định đưa gậy lên, sư nói:

- Làm gì thế? Mỗ sẽ đoạt gậy đánh lão Hòa thượng đấy, đừng bảo là sao không nói trước !

Nam Viện nói:

- Trụ trì 30 năm, hôm nay lại bị gã mặt vàng Chiết Giang bước lên cửa gài tội.

Sư nói:

- Hòa thượng chẳng khác nào kẻ tri bát không được rồi nói thác là không dối.

Nam Viện nói:

- Xà-lê từng tới Nam Viện lúc nào vậy?

Sư nói:

- Đó là lời lẽ gì?

Nam Viện nói:

- Lão tăng thẳng thẳng hỏi ông.

Sư nói:

- Cũng không thể nhường bước được.

Nam Viện nói:

- Hãy ngồi uống trà cái đã !

Chừng đó sư mới biểu thị lễ thầy trò.

Từ đó về sau, ứng lời dự ghi của Qui Ngưỡng, sư xuất thế tự đồ. Pháp đạo của Nam Viện nhân đó mà đại chấn khắp nơi.

Sư thượng đường nói:

- Tâm ấn của Tổ sư hôm nay mới nêu ra hoàn toàn triệt để (1), khứ tức ấn trụ, trụ tức ấn phá. Còn như không khứ không trụ, thì ấn là đúng hay không ấn là đúng. Trong chúng có người nào nói được không?

Chú (1): Nguyên văn 'Toàn đề', là Thiền cơ nêu ra vượt khỏi lời lẽ, nghĩa lý, trực chỉ nhân tâm.

Lúc đó, có Trưởng lão Lô Pha hỏi:

- Học nhân có cơ phong trâu sắt, thỉnh sư không đáp ấn !

Sư nói:

- Quen câu cá kình nơi chằm to, ngán ngẫm ếch nhái chúi nhủi vũng cát bùn.

Lô Pha định mở lời, sư lấy cây xơ quạt đánh ngay miệng nói:

- Có nhớ lời trước không?

Pha nói:

- Nhớ được.

Sư nói:

- Thử thuật lại xem !

Lô Pha định mở miệng, sư lại đánh một cây xơ quạt

Sư thượng đường nói với đại chúng rằng:

- Con mắt trí huệ của người tham học khi lâm cơ thì phải đại dụng hiện tiền, không nên tự mình câu nệ nơi tiểu tiết. Dầu cho trước khi lời thốt ra mà đã hiểu thì vẫn là si mê ngu độn (1), cho dù ngay câu nói mà tinh thông thì chẳng khỏi nơi nơi sanh ra kiến giải điên cuồng. Nhìn xem trước đây đều tham học lý giải theo người khác, mê muội hai lối thông minh và u tối. Nay cùng các ông quét sạch một lượt, khiến người người đều trở thành đại sư tử, gầm rống một tiếng uy mãnh, vách đứng muôn trượng (2). Ai dám nhìn thẳng ngó gườm, nếu ngó gườm sẽ làm mù mắt y ta.

Chú:

(1): Nguyên văn 'Trệ xác mê phong', có nghĩa là si mê ngu độn.

(2): Nguyên văn 'Bích lập thiên nhận', nghĩa đen là 'vách đứng ngàn nhận', hàm ý khí khái, thấy rõ tự ngã là chủ, không nương tựa vào bất cứ cái gì.

Hỏi:

- Sư hát khúc ca của ai?

Chú: Nguyên văn 'Xương thù gia khúc' có nghĩa 'hát khúc ca của ai, hàm ý nói Thiên pháp của ai, tiếp nối Tông phong (pháp thống) của ai ?

Sư nói:

- Siêu nhiên khác hẳn thời Phật Uy Âm, co chân nhọc công tán thán Phật Đẻ Sa.

Chú: Kinh Bốn Sanh chép: "Vào thuở xa xưa có vị Phật tên là Đẻ Sa. Lúc ấy có hai vị Bồ-tát, một tên Thích Ca, một tên Di Lặc. Phật này quán kiến tâm của Thích Ca chưa thuần phục còn tâm của chúng đệ tử đều thành thực hèn nghĩ rằng: 'Trên trời dưới trời, không ai như Phật. Mười phương thế giới cũng không ai sánh được. Sở hữu thế giới tôi đều thấy hết và tất cả đều không như Phật được'. Do đó vượt bực được chín kiếp, vào kiếp thứ 91, được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hỏi:

- Khúc nhạc xưa không có âm vận, làm sao xướng hòa đúng nhịp điệu?

Sư đáp:

- Gà gõ gáy lúc nửa đêm, chó cỏ sủa buổi sáng.

Chú: Khúc nhạc xưa là điệu chỉ Thiên tông thuở trước.

Hỏi:

- Thế nào là một tiếng niệm 'Nam Mô Phật'?

Sư nói:

- Đền liền cánh phụng đương đường chiếu, ánh trăng mây ngài nghiêng mặt xem.

Hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư hỏi lại:

- Thế nào là không phải Phật?

Nói:

- Chưa hiểu lời huyền, tỉnh sư chỉ thẳng !

Sư nói:

- Nhà ở châu Hải Môn (biển Đông), mặt trời lên chiếu trước nhất.

Hỏi:

- Trăng sáng từng không là thế nào ?

Sư nói:

- Chẳng từ trên trời di chuyển, mặc tình dưới đất chôn vùi.

Hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư nói:

- Ngựa gỗ phi nhanh hí vang vì không cùm, trâu bùn mang sừng khô dưới roi vọt.

Hỏi:

- Thế nào là kiếm Quảng Tuệ?

Sư nói:

- Chẳng chém gã chết.

Hỏi:

- Gương xưa chưa chùi lau thì thế nào?

Sư đáp:

- Ma trời vỡ mặt.

Tăng hỏi:

- Sau khi lau chùi thì thế nào?

Sư nói:

- Vua Hiên Viên không đạo lý.

Tăng hỏi:

- Trăng sáng từng không thì thế nào?

Sư nói:

- Chẳng ở trên trời mà ở tại ngục Dữu Lý.

Hỏi:

- Mâu thuẫn thành hai vảy cá mắt, lưới trời minh châu chuyện thế nào?

Sư nói:

- Vì núi lên chín nhận, vò đất định ngàn cân.

Tăng nói:

- Tại sao vậy?

Tăng nói:

- Gậy gõ phụng sự Văn Hầu, tri tâm có mấy ai?

Sư nói:

- Tuổi trẻ từng quyết đấu trận rồng rắn, về già nghe trẻ nít hát ca.

Hỏi:

- Thế nào là chủ trong núi Thanh Lương?

Sư nói:

- Một câu gấp gáp còn chưa hỏi. Đến nay vẫn là kẻ hành cước quèn.

Hỏi:

- Câu không đương cơ, làm sao hiển hưng đạo pháp?

Sư nói:

- Sao Đại Mão cho có bằng trời, thì mặt nhật chẳng đúng ngọ.

Hỏi:

- Thế nào là thói nhà của Hòa thượng?

Đáp:

- Hạc có Cửu Cao khó vỗ cánh, ngựa không ngàn dặm dỏi truy phong.

Hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư nói:

- Đừng để kẻ lạ nghe.

Hỏi:

- Lời chưa có, thỉnh sư nói!

Sư nói:

- Vào chợ huyết gió mãi, về nhà mặc áo ngắn.

Hỏi:

- Hôm nay dứt hạ, ý sư thế nào?

Sư nói:

- Không thương ngông hộ tuyết, lại vui người sáp băng.

Hỏi:

- Về quê không đường thì thế nào?

Sư nói:

- Bình thường xem nơi rục cháy, thỏa sướng cả bình sanh.

Sư đến theo lời mời thỉnh của châu vệ, thượng đường. Có ông tăng hỏi:

- Vua đời và vua Pháp (tức Đức Phật) gặp nhau thì thế nào?

Sư nói:

- Múa hát quanh suối rừng, thế gian chẳng buồn vui.

Tăng hỏi:

- Cùng nhau bàn chuyện gì?

Sư đáp:

- Hồ báo từng ngồi xôm trước hang, cò dư trong ánh sáng truyền bá chân tông.

Hỏi:

- Ngắt lá tìm cành thôi không hỏi, thế nào là trực tiệt gốc rễ?

Sư nói:

- Kẻ đến cúng tảng sáng vào, người khai đường đội mưa về.

Hỏi:

- Phàm có hỏi han tức đều là nặn mắt làm quái. Thỉnh sư chỉ thẳng gốc nguồn !

Sư nói:

- Hiếm gặp khách xỏ tai (Bồ Đề Đạt Ma), thường gặp người khắc thuyền.

Hỏi:

- Chính đang lúc như thế thì thế nào?

Sư nói:

- Rùa mù chung bọng cây tuy an ổn, cây khô trở hoa mới là xuân ngoài thế tục.

Hỏi:

- Thế nào là chuyện trong mật thất?

Sư nói:

- Xuất tự bàn chuyện xưa nay, quay mặt lại riêng cau mày.

Hỏi:

- Viên ngọc dưới hàm con ly long làm sao lấy được?

Sư nói:

- Từ đến mé biển can trúc thích, cho đến hôm nay đèn tổ cầm.

Hỏi:

- Thuyền lớn lượn trên không, làm sao cất mái chèo?

Sư nói:

- Tự tại không điểm ngực, cả nhà không vui thấy.

Hỏi:

- Truy phong khó nắm bắt, tiền trình chuyện thế nào?

Sư nói:

- Ba Tư mặc quý giải.

Hỏi:

- Đản sanh làm vương tử có cần thi đỗ không?

Sư nói:

- Một câu nghĩ làm sáng câu hỏi của Thiên tử, ngậm miệng ba lần sợ cô phụ cơ ngữ người xưa.

Hỏi:

- Tùy duyên không biến, chợt gặp người tri âm thì thế nào?

Sư nói:

- Mặc cỏ gấm, đội nón nghiêng trong ngọn Thiên Phong. Dẫn nước tưới rau quanh núi Ngũ Lão.

Hỏi:

- Khắc mạn thuyền tìm không được, chuyện đương thế thế nào?

Sư nói:

- Công lớn không được thưởng, cửa phen cỏ tự dày.

Hỏi:

- Từ trước người xưa ần ần khế hợp nhau, thế nào là con mắt của ần?

Sư nói:

- Người học đạo tự cao biết cơ biến, đưa khăn chiêm hồn lau nước mắt.

Hỏi:

- Hạ lâu thương lao, thỉnh sư nói điều giác ngộ !

Sư nói:

- Ra khỏi hang lau giọt mưa động Ròng, mệnh mông sóng nước tăng làm vọt hoa trong bát.

Hỏi:

- Tự phóng túng ban đầu nên đối với người nào?

Sư nói:

- Một nắm cỏ thom nếu chưa hạ xuống, sáu vòng khoen vàng đầu gây khua khoảng không.

Hỏi:

- Tổ sư Đạt Ma truyền lại, thỉnh sư nói thẳng thẳng !

Sư nói:

- Một con chó sữa hư không, ngàn con khỉ chí choé sự thật.

Hỏi:

- Vương đạo và đạo Phật khác nhau bao xa?

Sư nói:

- Lúc chó cỏ sữa thì trời đất hiệp, sau khi gà gáy thì đèn Tổ sáng trung.

Nói:

- Tâm ần của Tổ sư thỉnh sư lau chùi !

Sư nói:

- Trăng Tổ từng không tròn Thánh trí. Cây tùng, cây cối, núi nào mà chẳng xanh xanh.

Nói:

- Đại chúng đã tụ tập đông đảo, thỉnh sư thuyết pháp !

Sư nói:

- Kẻ chân trần đuổi thỏ, người chân mang giày ăn thịt thỏ.

Chú: Nguyên văn 'Xích cước nhân sấn thỏ, trước ngoa nhân khiết nhục'.

Hỏi:

- Chẳng từng rộng xem giáo pháp Không vương (tức pháp Phật),
tạm mượn cơ huyền thử nói xem !

Sư nói:

- Viên bạch ngọc không tì vết mà Biện Hòa phải chịu chặt chân.

Hỏi:

- Thế nào là câu vô vi?

Sư nói:

- Đuốc báu ngay trên xe hiên cháy sáng, ánh hồng rực thái hư.

Hỏi:

- Thế nào là một câu lâm cơ?

Sư nói:

- Nương gió mà thổi cho lửa bùng lên, thì dùng sức không
nhiều.

Hỏi:

- Để mặt trắng không son phấn gặp nhau thì thế nào?

Sư nói:

- Bỏ khăn che mặt ra.

Hỏi:

- Thế nào là hơi thở của nạp tạng?

Sư nói:

- Bò lét bằng gối, trườn bằng khuỷu tay đại chúng thấy hết.

Hỏi:

- Cúc tím nửa nụ thu đã tới, trăng tròn tới cửa ý thế nào?

Sư nói:

- Trăng lên Bồng đảo người đều thấy, đêm qua gặp sương ông
chẳng hay.

Hỏi:

- Thế nào là con đường thẳng tắp?

Sư nói:

- Thẳng tắp là quanh co, khúc khuỷu.

Hỏi:

- Thế nào là sư tử rông?

Sư nói:

- Ai cần ông làm chồn hoang kêu.

Hỏi:

- Thế nào là lời đế thật?

Chú: Lời đế thật là lời nói chân thật, xác đáng.

Sư nói:

- Tâm treo trên vách.

Hỏi:

- Tâm chẳng có thể phan duyên, miệng không thể nói thì thế nào?

Sư nói:

- Gặp người cứ thuật thế.

Hỏi:

- Ròng xuyên thấu đằm trong thì thế nào?

Sư nói:

- Nhấn bờm, đè đuôi.

Hỏi:

- Mặc tình chìm nổi thì thế nào?

Sư nói:

- Dắt trâu không vô chuông.

Hỏi:

- Có và không đều không có chỗ thì thế nào?

Sư nói:

- Tháng ba lười dạo con đường dưới hoa, mọi nhà buồn đóng cửa dưới cơn mưa.

Hỏi:

- Nói nín dính dáng đến ly vi, thế nào thông không phạm?

Chú: 'Ly' là thế của pháp tánh, do vì lìa các tướng nên không tịch. 'Vi' là dụng của pháp tánh, do vì vi diệu nên không thể nghĩ bàn. Tóm tắt ý của phẩm 'Ly vi thế tịnh' trong Bảo Tạng Luận của Tăng Triệu pháp sư.

Sư nói:

- Thường nói trong tháng ba ở Giang Nam, nơi chim giá cô kêu
hoa rừng thơm ngát.

Hỏi:

- Trăm xong, ngàn đúng thì thế nào?

*Chú: Nguyên văn 'Bách liễu thiên đương', hàm ý chỉ việc lớn đời tu học
đã xong.*

Sư nói:

- Ban đêm không cho đi, vừa tung búng sáng bắt phải tới nơi.

Hỏi:

- Không có đất dung thân thì thế nào?

Sư nói:

- Tháp Hùng Nhĩ (nơi chôn Bồ Đề Đạt Ma) mở toang mà không
có khách đến thăm hỏi.

Hỏi:

- Thế nào mới đúng?

Sư nói:

- Nên đoan lia.

Hỏi:

- Người cả sơn hà đại địa cùng tới một lúc hỏi han thì làm sao
đối đáp?

Sư nói:

- Vận điệu ngón đàn của Bá Nha chẳng có ai là tri âm.

Hỏi:

- Ương Quật Ma La muốn bức hại Phật thì thế nào?

*Chú tóm tắt: Ương Quật Ma La theo thầy tà đạo dặn phải giết 1.000
người mới đắc Niết-bàn. Ương Quật đã giết 999 người và định giết cả mẹ cho
đủ số. Phật thấy thế hiện thân đến hóa độ. Ương thấy Phật đến vung guom định
bức hại. Sau đó nghe Phật thuyết pháp liền cải tà qui chánh.*

Sư nói:

- Mọi người bảo hộ.

Hỏi:

- Tâm ấn chưa tỏ rõ làm sao đắc nhập?

Sư nói:

- Tuy nghe khoản đầu qui của tù súy, chưa thấy dẫn dê nạp ngọc đến.

Hỏi:

- Thế nào là chuyện dưới Lâm Tế?

Sư nói:

- Chó vua Kiệt sủa vua Nghiêu.

Hỏi:

- Thế nào là chuyện ngậm đầu mũi tên?

Chú: Sách Thái Bình Quảng Ký chép: Cuối đời Tùy có vị đốc binh tên Mô, có tài nhắm mà bắn. Muốn bắn mắt là trúng mắt, muốn bắn miệng là trúng miệng. Có người tên Vương linh Trí học bắn với Mô kể như đã đạt tới chỗ tuyệt nghệ, nên định giết Mô để chi riêng mình đại tài. Mô cầm một cây đao, hễ tên do Trí bắn đến đều chặt đứt cả. Có một mũi tên bay đến, Mô há miệng ngậm đầu tên cười nói với Trí: 'Ngươi học ba năm ta chưa truyền cho pháp ngậm tên'.

Sư nói:

- Mạnh Lãng mượn lời luận sùng ngựa.

Chú: Mạnh Lãng, nhân vật trong thiên Tề Vật Luận của Trang Tử.

Hỏi:

- Không tu Định, Tuệ tại sao lại thành Phật vô nghi (chỉ ngài Di Lặc)?

Sư nói:

- Gà vàng chuyên báo sáng, thùng sơn đen ánh sáng đen sanh ra.

Hỏi:

- Một niệm mà muôn năm thì thế nào?

Sư nói:

- Áo tiên rách.

Hỏi:

- Chuông lớn chưa động thì thế nào?

Sư nói:

- Cả đại thiên thế giới đều chẳng nơi nào không vang tiếng diệu
hàm u trí há có thể phân biệt?

Tăng hỏi:

- Sau khi động thì thế nào?

Sư nói:

- Vách đá núi sông không trở ngại, sau khi màng mắt tiêu rồi
nghe rất tốt.

Hỏi:

- Thế nào là chỉ ý của Tổ sư từ Tây lại?

Sư nói:

- Tìm khắp sơn thủy núi không tận.

Hỏi:

- Tướng bậc đại nhân vì sao không đầy đủ.

Sư nói:

- Chim cú, chim kiêu nửa đêm coi thường chim ung đậu.

Hỏi:

- Xưa nay vừa phân định, thỉnh sư mật yếu !

Sư nói:

- Hãy chặt đứt lưỡi đôi !

Hỏi:

- Thế nào là tướng bậc đại nhân?

Sư nói:

- Nghèo rớt mỏng toi.

Tăng hỏi:

- Xin hỏi Hòa thượng hai thời trong ngày thế nào?

Sư nói:

- Cầm rá vo gạo, xách gậy.

Hỏi:

- Thế nào là chủ trong khách?

Sư nói:

- Vào chợ hai mắt đi.

Hỏi:

- Thế nào là khách trong chủ?

Sư nói:

- Xe vua quay về (Hồi loan) mặt trời, mặt trăng mới mẻ.

Hỏi:

- Thế nào là khách trong khách?

Sư nói:

- Nhíu mày ngồi trên mây trắng.

Hỏi:

- Thế nào là chủ trong chủ?

Sư nói:

- Mài thanh gươm ba tấc, đọi chém kẻ bất bình.

Hỏi:

- Thế nào là ý chỉ bên cái bừa?

Sư nói:

- Trước núi một mảng xanh.

Hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư nói:

- Rừng gậy dưới núi roi trúc.

Chú: Tây Vực Ký chép: Xưa có người Bà La Môn ở nước Ma Kiệt Đà nghe thân đức Phật Thích Ca cao một trượng sáu trong lòng thường hoài nghi không tin, mới lấy cây gậy dài một trượng sáu định đo thân Phật, nhưng ở hai đầu gậy lại luôn mọc dài thêm hơn trượng sáu nên không thể đo được, liền ném bỏ cây gậy mà đi, không ngờ cây gậy mọc lên thành rừng trúc sum xuê, dày bít cả núi non, hang động.

THIÊN SƯ QUI TĨNH HƯNG DƯƠNG ĐỈNH CHÂU
PHÁP TỰ ĐỜI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TÂY VIỆN TƯ MINH ở NHỮ CHÂU

Ban sơ, sư đến tham yết Thiên sư Tây Viện mà hỏi rằng:

- Nghĩ định hỏi mà không hỏi thì thế nào?

Tây Viện liền đánh. Sư lặng thinh hồi lâu, Tây Viện nói:

- Nếu gọi là gậy thì lông mày, râu gì đều rụng hết.
Sư ngay lời nói đại ngộ.

Tăng hỏi:

- Sư hát khúc ca của ai? Tông phong nổi pháp nhà nào?

Sư nói:

- Trước cửa Thiếu Thất không có con đường khác.

HÒA THƯỢNG LINH THỤY THIỀU CHÂU
PHÁP TỰ ĐỜI THỨ BẢY của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của THIỀN SƯ TUỆ LÂM HỒNG CỨU THIỀU CHÂU

Có người hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư hét rằng:

- Ông là gã trong thôn xóm.

Hỏi:

- Thế nào là chỉ ý của Tổ sư từ Tây lại?

Sư nói:

- Mười tám ngàn dặm.

Hỏi:

- Thế nào là bốn lai tâm?

Sư nói:

- Ngồi trên đỉnh Tì Lô, ra vào trong thái hư.

THIỀN SƯ CHÂN QUẢNG TUỆ NHỮ CHÂU
PHÁP TỰ ĐỜI THỨ TÁM của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của THIỀN SƯ PHONG HUYỆT DIÊN CHIỀU

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh của Quảng Tuệ?

Sư nói:

- Chùa nhỏ phía trước, Tư Khánh phía sau.

Hỏi:

- Thế nào là thói nhà của Hòa thượng?

Sư đáp:

- Cày và cuốc.

THIÊN SƯ THỦ SƠN TỈNH NIỆM Ở NHỮ CHÂU
PHÁP TỰ ĐỒI THỨ TÁM của NAM NHẠC HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của PHONG HUYỆT DIÊN CHIÊU

Sư họ Địch, người Lai Châu, thụ nghiệp Nam Thiên viện ở bốn quận, đắc pháp với Phong Huyệt. Ban đầu, sư trụ Thủ Sơn làm đời thứ nhất.

Hôm khai đường, có ông tăng hỏi:

- Sư hát khúc ca của nhà nào, nội pháp Tông phong của ai?

Sư nói:

- Trước hang Thiếu Thất đích thân vỗ tay xem.

Tăng nói:

- Kính thỉnh hồng âm hòa một tiếng.

Sư nói:

- Như nay đây cũng cần mọi người biết.

Sư nói với đại chúng:

- Phật pháp giao phó cho hàng Quốc vương cùng các quan lớn và các đàn việt có bề thế khiến cho đèn đèn cháy mãi tiếp nối không đứt đoạn cho đến ngày hôm nay. Mọi người nói xem nối tiếp nhau cái gì?

Sư nín lặng hồi lâu lại nói:

- Hôm nay phải như sư huynh Ca Diếp mới đúng !

Tăng hỏi:

- Thế nào là thối nhà của Hòa thượng?

Sư nói:

- Một lời cắt đứt ngàn cửa song, trước đỉnh núi ngàn nhận mới gọi là huyền.

Hỏi:

- Thế nào là cảnh của Thủ Sơn?

Sư nói:

- Hoàn toàn để mặc mọi người nhìn ngắm.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người trong cảnh?

Sư hỏi:

- Được ăn gậy chưa vậy?

Tăng lễ bái, sư nói:

- Hãy đợi lúc khác.

Tăng hỏi:

- Thế nào là chỉ ý của Tổ sư từ Tây lại?

Sư nói:

- Gió thổi, mặt trời chói chang.

Hỏi:

- Chư Thánh từ xưa hướng về đâu mà hành động ?

Sư nói:

- Chăn trâu, kéo bò cào.

Hỏi:

- Người xưa gơ chùy đưa cây xơ quất, ý chỉ thế nào?

Sư nói:

- Trên đỉnh núi chơ vợ không có khách ngụ.

Tăng hỏi:

- Xin hỏi ý chỉ thế nào?

Sư nói:

- Không phải người ôm cây đợi thỏ.

Hỏi:

- Thế nào là con đường Bồ-đề?

Sư nói:

- Nơi đây cách xa Tương huyện năm dặm.

Tăng hỏi:

- Chuyện hương thượng như thế nào?

Sư nói:

- Tới lui không dễ.

Nói:

- Chư Thánh nói không hết chỗ, thỉnh sư cử xướng !

Sư nói:

- Thần quang muôn dặm đều chiếu một thứ, ai dám so cùng mặt trời bằng nhau.

Hỏi:

- Một cây có còn nở hoa nữa hay không?

Sư nói:

- Đã nở lâu rồi.

Tăng hỏi:

- Xin hỏi còn kết trái nữa không?

Sư nói:

- Đêm hôm qua gặp sương rồi.

Tăng hỏi:

- Lâm Tế hét, Đức Sơn bỏ gậy, chẳng hiểu biểu minh được cái gì?

Sư nói:

- Ông thử nói xem !

Tăng liền hét, sư nói:

- Đồ mù mắt!

Tăng lại hét nữa, sư nói:

- Cái gã đui mù này, hét nặng xì như thế để làm gì?

Tăng lễ bái, sư liền đánh.

Hỏi:

- Bốn chúng vây quanh, sư nói pháp gì?

Sư nói:

- Đánh cở kinh động rấn.

Tăng hỏi:

- Xin hỏi phải ra tay như thế nào?

Sư nói:

- Mới rồi thiếu chút nữa táng thân, mất mạng.

Hỏi:

- Hai con rồng tranh nhau trái châu, con nào được?

Sư nói:

- Con được là con thua.

Tăng hỏi:

- Con không được thì thế nào?

Sư nói:

- Trái châu ở tại chỗ nào?

Hỏi:

- Duy Ma lạng thình, Văn Thù tán thưởng, ý ấy thế nào?

Sư nói:

- Thính chúng lúc ấy tất không như thế.

Tăng hỏi:

- Xin hỏi Duy Ma lạng thình, ý chỉ thế nào?

Sư nói:

- Kẻ biết ơn thì ít, người phụ ơn thì nhiều.

Hỏi:

- Tất cả mọi chư Phật đều từ kinh này mà ra, thế nào là kinh này?

Sư nói:

- Nói nhỏ lại ! Nói nhỏ lại !

Tăng hỏi:

- Làm sao thọ trì?

Sư nói:

- Nhất thiết là không được làm vấy bẩn.

Hỏi:

- Sau khi Thế Tôn thị diệt, pháp giao phó lại cho ai?

Sư nói:

- Câu hỏi hay đấy, không ai đáp được cả.

Hỏi:

- Kiến sắc liền kiến tâm. Vạn vật vô hình, lấy gì thấy được?

Sư nói:

- Một nhà có việc, trăm nhà khác bận bịu.

Tăng nói:

- Kẻ học này không lãnh hội, xin sư chỉ thị lại !

Sư nói:

- Ba ngày sau khán thủ.

Tăng hỏi:

- Như người vào kinh đô triều kiến Thánh chúa, nhưng mới đi đến ải Đồng Quan là quay trở về là thế nào?

Sư nói:

- Vẫn là gã ngu khờ.

Hỏi:

- Trên đường gặp bậc đạt đạo, không dùng nói nín ứng đối, vậy dùng gì để ứng đối?

Sư nói:

- Mới đó mà đã khắp tam thiên thế giới.

Hỏi:

- Một câu liễu nhiên, vượt khỏi trăm ức. Thế nào là một câu?

Sư nói:

- Đến nơi khác kể y lại với người.

Tăng hỏi:

- Chuyện rớt lại là thế nào?

Sư nói:

- Chỉ biết nói như thế.

Hỏi:

- Thế nào là tâm Phật xưa?

Sư nói:

- Ở Trấn Châu sản xuất được củ cải nặng ba cân.

Hỏi:

- Hư tâm lấy gì làm thể?

Sư nói:

- Lão tăng ở dưới chân ông.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng vì sao mà lại ở dưới chân kẻ học này?

Sư nói:

- Biết ông là kẻ ngu si khờ khạo.

Chú: Nguyên văn 'Hạt hán' là kẻ đui mù, hàm ý chỉ kẻ ngu si, cũng còn gọi khác là 'Độn lữ sanh', 'Hạt lư', 'Lữ sanh tử, Ngốc lữ sanh'.

Hỏi:

- Thế nào là ở trong huyền?

Sư nói:

- Có lời nên nói ra.

Tăng hỏi:

- Ý ấy thế nào?

Sư nói:

- Không lời ma cũng giận.

Chú: Nguyên văn 'Quy', trong tiếng Hoa không có ý niệm về 'Con quỷ' như người Việt mình. Tiếng 'Quy' của họ có nghĩa là con ma theo cách nghĩ của người mình, còn tiếng 'Ma' người Hoa dùng để chỉ tính cách quái quỷ, gian tà như ma thuật, ma đạo chẳng hạn.

Hỏi:

- Thế nào là mắt của nạp tăng?

Sư nói:

- Câu hỏi đó không đương cơ. (Thích ứng với căn cơ)

Hỏi:

- Sau khi đương cơ thì thế nào?

Sư nói:

- Làm nổi cái gì?

Hỏi:

- Làm thế nào rời được các duyên ?

Sư nói:

- Ngàn năm gặp một lần.

Tăng hỏi:

- Không rời thì thế nào?

Sư nói:

- Đứng trước mọi người.

Hỏi:

- Thế nào là người đại an lạc?

Sư nói:

- Không thấy có một pháp nào.

Tăng hỏi:

- Vậy lấy gì dạy người?

Sư nói:

- Cảm ơn Xà-lê lãnh ngộ lời thoại !

Hỏi:

- Thế nào là người thường tại?

Sư nói:

- Chạy loạn lên mà làm gì ?

Hỏi:

- Một tơ hào chưa phát là thế nào?

Sư nói:

- Trên đường gặp khách xỏ lỗ tai đeo khoen.

Chú: Thông thường chỉ các Thiền tăng Ấn Độ, đặc biệt chỉ Tổ Bồ Đề Đạt

Ma.

Hỏi:

- Sau khi phát thì thế nào?

Sư nói:

- Không cần phải dùng dăng nghi ngờ.

Nói:

- Đàn không dây thỉnh sư rao âm vận.

Chú: Nguyên văn 'Vô huyền cầm' dụ cho tự tánh.

Sư lặng thỉnh hồi lâu, rồi hỏi:

- Có nghe không đây?

Tăng nói:

- Không nghe.

Sư hỏi:

- Sao không lớn giọng hỏi?

Hỏi:

- Học nhân từ lâu ở trong chốn trầm mê, thỉnh sư tiếp cứu !

Sư nói:

- Lão tăng ta không có thứ công phu bá láp đó.

Chú: Nguyên văn 'Nhàn công phu'.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng vì sao mà như thế?

Sư nói:

- Cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi.

Hỏi:

- Thế nào là câu rời ý niệm phàm Thánh?

Sư đáp:

- Hòa thượng An ở Tung Sơn.

Tăng nói:

- Đó há có phải là chỗ cứu cánh của Hòa thượng?

Chú: Nguyên văn 'Cực tắc' có nghĩa là tiêu chuẩn hay cứu cánh.

Sư đáp:

- Thiên sư Nam Nhạc Hoài Nhượng.

Tăng hỏi:

- Kẻ học này vừa mới vào tùng lâm, thỉnh sư chỉ thị !

Sư hỏi:

- Xà-lê đến nơi đây lâu mau rồi?

Tăng đáp:

- Đã trải qua đông, hạ.

Sư nói:

- Đừng thuật kể lại lầm lẫn với người khác.

Hỏi:

- Nếu có người phóng đặng hết chỗ nói đến, sư có tiếp không?

Sư nói:

- Phóng đặng hết cỡ chẳng phải không có, nhưng đó là ai vậy?

Tăng nói:

- Hôm nay trời cao, trăng lạnh.

Sư nói:

- Trong tăng đường có mấy người nằm ngồi.

Tăng không lời đối đáp, sư nói:

- Lường gạt lão tăng quá chùng !

Hỏi:

- Thế nào là tướng Phạm Âm?

Sư nói:

- Lừa kêu, chó sủa.

Hỏi:

- Thế nào là một con đường tắt?

Sư nói:

- Hoặc tại trong núi, hoặc dưới gốc cây.

Hỏi:

- Một câu Tào Khê, cả người thiên hạ đều nghe. Xin hỏi Hòa thượng một câu ai là người được nghe?

Sư nói:

- Không ra khỏi cổng tam quan chùa?

Tăng hỏi:

- Vì sao mà không ra khỏi cổng tam quan chùa?

Sư nói:

- Thuật lại cho người thiên hạ.

Tăng hỏi:

- Thế nào là con mắt không khi người của Hòa thượng?

Sư nói:

- Nhìn xem đông đến rồi.

Tăng hỏi:

- Rốt lại là thế nào?

Sư nói:

- Tức ngay gió xuân đến.

Hỏi:

- Xa nghe Hòa thượng không vương mắc chút tơ (1) nhưng tới khi đến nơi thì tại làm sao lại còn có núi để thủ?

Gợi ý: Tăng chơi chữ vì thủ sơn vừa có nghĩa thủ núi vừa là pháp hiệu của sư.

Chú (1): Nguyên văn ‘Vô ty khả quái’, nghĩa đen là không có mang chút tơ, hàm ý chỉ tâm tánh không nhiễm mảy may trần sắc. Cũng còn nói khác là ‘Thôn ti bất quái’.

Sư hỏi:

- Nói cái gì?

Tăng hét, sư cũng hét. Tăng lễ bái, sư nói:

- Tha ông 20 gậy !

Sau sư kế tiếp trụ viện Quảng Giáo núi Bảo An, lại cũng là đời thứ nhất. Sau đáp ứng lời thỉnh cầu của đại chúng vào thành trụ ở viện Bảo Ứng (tức đời thứ ba Nam Viện).

Sư trụ ba nơi pháp tịch, hải chúng thường đông đầy. Ngày mùng 4 tháng chạp năm thứ ba niên hiệu Thuận Hóa, đúng ngộ sư thượng đường nói kệ thị chúng rằng:

Nguyên văn:

今年六十七
老病隨緣且遣日
今年記取來年事
來年記著金朝日

Phiên âm:

Kim niên lục thập thất
Lão bệnh tùy duyên thả khiển nhật
Kim niên ký thủ lai niên sự
Lai niên ký trước kim triều nhật.

Tạm dịch:

*Năm nay sáu mươi bảy
Già, bệnh tùy duyên thả qua ngày
Năm nay ghi chép chuyện năm tới
Năm tới coi lại chuyện hôm nay.*

Đến năm Thuần Hóa thứ tư, xem lại ngày giờ cùng tháng đều không khác lời dự ghi năm trước. Sư thượng đường từ biệt đại chúng, nhưng cũng nói kệ rằng:

Nguyên văn:

白銀世界金色身
情與非情共一真
明闇盡時俱不照
日輪午後是全身

Phiên âm:

Bạch ngân thế giới kim sắc thân
Tình dữ phi tình cộng nhất chân
Minh ám tận thời câu bất chiếu
Nhật luân ngọ hậu thị toàn thân.

Tạm dịch:

*Thế giới bạc trắng thân sắc vàng
Tình với phi tình cộng nhất chân
Tối sáng cuối cùng đều không chiếu
Mặt trời đứng ngọ chính toàn thân.*

Nói kệ xong ngồi yên. Mặt trời xế bóng là qua đời, thọ 68 tuổi, hỏa thiêu thân xá-lợi.

THIÊN SƯ CHÍ KHIÊM núi **TAM GIÁO KỲ CHÂU**
ĐỆ TỬ ĐỜI THỨ TÁM của **HOÀI NHƯỢNG**
PHÁP TỰ của **ĐẠI SƯ BẢO TỪ ĐỨC THIỀU QUI CHÂN**
ĐÀM CHÂU

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư nói:

- Mau lạy ba lạy !

THIÊN SƯ HUNG DƯƠNG TỪ ĐẠT ở DĨNH CHÂU
ĐỆ TỬ ĐỒI THỨ TÁM của HOÀI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của ĐẠI SƯ BÁO TỪ ĐỨC THIỀU QUI CHÂN
ĐÀM CHÂU

Tăng hỏi:

- Phật giới và chúng sanh giới cách nhau nhiều ít?

Sư nói:

- Nói không được.

Tăng hỏi:

- Đúng như thế chăng?

Sư nói:

- Cũng có phần nào?

Hỏi:

- Dù lọng bồng tới bảo tòa, sư nay nào khác thưở ở tổ chim thước.

Sư nói:

- Nói không được.

Tăng nói:

- Tức nay đây.

Sư nói:

- Thua ông một Phật pháp.

THIÊN SƯ THIỆN CHIÊU ở PHẦN CHÂU
ĐỆ TỬ ĐỒI THỨ CHÍN của NAM NHẠC HOAI NHƯỢNG
PHÁP TỰ của THIÊN SƯ THỦ SƠN TỈNH NIỆM ở NHỮ CHÂU

Sư thượng đường nói với chúng rằng:

- Phạm một cú ngữ phải có đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải có đủ ba yếu. Có chiếu có dụng, hoặc trước chiếu sau dụng, hoặc trước dụng sau chiếu, hoặc chiếu dụng cùng một lúc, hoặc chiếu dụng

không đồng một lúc. Trước chiếu sau dụng, nên thương lượng cùng các ông. Trước dụng sau chiếu, các ông phải là người như thế mới được. Chiếu dụng cùng một lúc, các ông làm thế nào để đương? Chiếu dụng không cùng một lúc, các ông lại làm sao thấu suốt?

Tăng hỏi:

- Thế nào là nguồn cội của đại đạo?

Sư đáp:

- Đào đất để tìm trời xanh.

Hỏi:

- Sao mà phải như thế?

Sư nói:

- Phải thức thủ u huyền.

Hỏi:

- Thế nào là khách trong khách?

Sư nói:

- Cháp tay trước am hỏi Thế Tôn.

Hỏi:

- Thế nào là chủ trong khách?

Sư nói:

- Đối diện mà không bạn bè.

Hỏi:

- Thế nào là khách trong chủ?

Sư nói:

- Giàn mây ngang trên biển, rút kiếm quật cửa rồng.

Hỏi:

- Thế nào là chủ trong chủ?

Sư nói:

- Ba đầu sáu tay kinh trời đất, nổi giận Na Tra đánh chuông trời.

Phần phụ lục:

Tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư nói:

- Hư không chẳng trở ngại, tới lui mặc tung hoành.

Tăng nói:

- Cảm tạ lão sư chỉ thị !

Sư lại hỏi:

- Ông lấy cái gì gọi là đạo?

Tăng không lời đối đáp.

Sư nói:

- Chỉ biết cười cợt, không biết xuống lưng cọt.

(Theo **Phần Dương ngữ lục** quyển thượng)

Tăng hỏi:

- Tâm chưa an, biết tính sao đây?

Sư hỏi lại:

- Ai nhiễu loạn ông?

Tăng hỏi:

- Đòi với điều đó có biện pháp gì?

Sư đáp:

- Tự làm, tự chịu.

(Theo **Phần Dương ngữ lục** quyển thượng)

Hỏi:

- Chỉ ý của Thiên tông và giáo nghĩa của Giáo tông giống và khác chỗ nào?

Sư đáp:

- Trên núi cao cây tùng chịu lạnh giỏi, trong khe quanh co nước chảy chậm.

(Theo **Phần Dương ngữ lục** quyển thượng)

Hỏi:

- Một cây đèn cũng chẳng thấp sáng thì thế nào.

Đáp:

- Tất.

Hỏi:

- Sau khi tắt thì thế nào?

Sư đáp:

- Thì sáng trung.

Lại hỏi:

- Không biết sáng trung là thế nào?

Sư đáp:

- Thường thấp không gián đoạn, xưa nay mãi sáng trung.

(Theo **Phần Dương ngữ lục** quyển thượng)

- Chỉ nghe chuông ngân, se se kêu là đã khế ngộ nguyên bản chân lý. Hướng bên ngoài các cái ấy mà truy tìm đều là hành vi hư vọng. Tin thì như thuận gió thổi lửa, không tin như đất bằng lại đào hố chỉ cho mệt. Chuyện bất đắc dĩ, Tổ với Phật mới làm hình thức này nọ, do đó mới có đàm luận trắng sáng tại hội Linh sơn. Chỉ điểm trắng sáng tại Thiên đường Tào Khê. Trắng sáng ở đâu ? Chỉ ta coi thử? Báo cho các bạn học Thiên, đừng hướng lên trời mà tìm kiếm !

(Theo **Phần Dương ngữ lục** quyển thượng)

Tăng hỏi:

- Trước mặt chẳng có trở ngại chi, tại sao lại mở miệng không được?

Sư nói:

- Từ sáng tới tối chẳng nói năng, lời thì thầm càng thêm tân kỳ.

Tăng hỏi:

- Thế nào để có thể làm sư tử rống?

Sư nói:

- Không cần chồn rùng kêu !

Tăng liền hét một tiếng, sư nói:

- Vừa hay đúng.

Trong lúc tăng còn đang do dự, sư liền hét một tiếng. Tăng lễ bái, sư nói:

- Tha cho, không chém tướng bại trận.

(Theo **Phần Dương ngữ lục** quyển thượng)

THIÊN SƯ CHÂN ỨNG núi ĐAM NGUYÊN CÁT CHÂU
TÀO KHÊ BIỆT XUẤT ĐỜI THỨ HAI
PHÁP TỰ của QUỐC SƯ NAM DƯƠNG TUỆ TRUNG

Lúc làm thị giả cho Quốc sư, một ngày kia Quốc sư đang ở trong pháp đường, sư bước vô, Quốc sư thông một chân, sư nhìn thấy liền quay ra. Một hồi lâu lại quay vào. Quốc sư hỏi:

- Vừa rồi là ý thế nào?

Sư nói:

- Nói với ai mới được chứ?

Quốc sư nói:

- Ta hỏi ông đây !

Sư nói:

- Ở nơi nào mà thấy được mỗ đây?

Sư lại hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi cứu cánh thì làm sao?

Quốc sư nói:

- May mà tự biết thương xót đời sống, cần phải kiếm một lá bùa hộ thân để làm chi?

Ngày khác, sư cầm giỏ về phương trượng. Quốc sư hỏi:

- Trong giỏ đựng giống gì?

Sư đáp:

- Thanh mai.

Quốc sư hỏi:

- Mang đến dùng vào việc gì?

Sư nói:

- Cúng dường Quốc sư.

Quốc sư nói:

- Mai còn sống làm sao cúng dường được?

Sư nói:

- Lấy đó biểu thị lòng hiến dâng.

Quốc sư nói:

- Phật không nhận cúng dường.

Sư nói:

- Mỗ đây chỉ như thế, còn Hòa thượng thì thế nào?

Quốc sư nói:

- Ta chẳng cúng dường.

Sư nói:

- Vì sao mà không cúng dường?

Quốc sư nói:

- Ta không có trái cây.

Hòa thượng Bách Trượng Hoài Hải tại núi Lặc Đàm đang kéo xe, sư nói:

- Xe tại nơi đây còn bò ở đâu?

Hoài Hải lấy bàn tay chặt vô trán, sư bèn lau mắt.

Ma Cốc hỏi:

- Tượng Phật Quán Âm 12 mặt, há chẳng phải Thánh?

Sư nói:

- Phải đấy.

Ma Cốc vả sư một bạt tai, sư nói:

- Nghĩ ông chưa tới cảnh đó.

Ngày giỗ của Quốc sư thiết tiệc chay cúng, có ông tăng hỏi:

- Quốc sư có đến không vậy?

Sư nói:

- Chưa có đầy đủ tha tâm thông (nên không biết).

Tăng nói:

- Vậy thiết tiệc chay để làm gì?

Sư đáp:

- Không cắt đứt thế tục để.

THIÊN SƯ PHƯỚC LÂM núi ĐẠI THẠCH HOÀNG CHÂU
TÀO KHÊ BIỆT XUẤT ĐỜI THỨ HAI
PHÁP TỰ của ĐẠI SƯ HÀ TRẠCH THẦN HỘI Ở LẠC DƯƠNG

Sư họ Nguyên, người Kinh Châu, vốn là con em nhà Nho, nhưng từ lúc còn bé đã theo đạo Phật, tại chùa Huyền Tĩnh theo Thiên sư Khiêm Trước mà xuống tóc thọ giới cụ túc. Sư đi du phương gặp đại sư Thần Hội khai thị vô niệm linh tri chẳng từ duyên mà có, liền bừng ngộ thấy chân đế. Sau sư đến núi Đại Thạch Hoàng Châu kết am tranh mà ở, Thiên lữ bốn phương nương theo rất đông.

Năm thứ hai đời Đường Hưng Nguyên sư nhập diệt, thọ 82 tuổi.

THIÊN SƯ QUANG BẢO MÔNG SƠN HÂN THỦY
TÀO KHÊ BIỆT XUẤT ĐỜI THỨ HAI
PHÁP TỰ của HÀ TRẠCH THẦN HỘI

Sư họ Chu, người Tĩnh Châu. Ban sơ, sư tham yết Hòa thượng Thần Hội, phục thị tả hữu. Hòa thượng Hà Trạch hôm nọ nói với sư:

- Ông tên Quang Bảo, tên để định thể. Bảo tức tự mình có, còn Quang không do tìm cầu bên ngoài. Mặc tình cho ông dùng mà không bao giờ thiếu thốn, đêm trường chiếu mãi mà không lúc nào cạn kiệt. Ông có tin không vậy?

Sư đáp:

- Tin thì tin rồi đó, nhưng xin hỏi Quang và Bảo là đồng hay khác nhau?

Hà Trạch nói:

- Quang là Bảo, mà Bảo là Quang. Há có tên gọi giống khác nhau sao?

Sư hỏi:

- Lúc mất, tai nương theo sắc và thanh thì là chửi nhau hay liên quan nhau?

Hà Trạch nói:

- Kháng hành và hồi hõ (chống và liên quan nhau) hãy tạm gác qua bên, ông chỉ xem pháp nào là thể của thanh sắc?

Sư nói:

- Nếu như sư nói thì không có tiếng và hình (thanh sắc) nào có thể đặc?

Hà Trạch nói:

- Nếu ông liễu ngộ tiếng và hình thể không tịch, lại tin tai mắt các căn cùng với phàm Thánh bình đẳng như huyễn ảo thì kháng hành và hồi hõ lý cũng như thế.

Sư do đó lãnh ngộ, lễ bái ra đi.

Chú: Nguyên văn 'Hồi hõ', chỉ khoản không gian của sự vật hõ tương thiệp nhập, nương nhau cùng tồn tại, không có chi khác nhau, giống như tinh thần lý sự vô ngại, sự sự vô ngại của tông Hoa Nghiêm. Còn bất hồi hõ chỉ sự vật tự có phân vị, đều có tự tánh, độc lập tự tồn, tương đương như tinh thần lý sự các lập, sự sự trụ vị của tông Hoa Nghiêm. Hồi hõ bất hồi hõ, hiển thị trong hồi hõ có bất hồi hõ, trong bất hồi hõ có hồi hõ, để thuyết minh lý tương y, tương tồn và độc lập tự tồn.

Ban đầu, sư ẩn ở Mông Sơn Hân Thủy, đến năm thứ hai đời Đường Nguyên Hòa thì thị tịch, hưởng thọ 90 tuổi.

THIÊN SƯ KHOA PHONG TÔNG MẬT
TÀO KHÊ BIỆT XUẤT ĐỜI THỨ NĂM
PHÁP TỰ của THIÊN SƯ TOẠI CHÂU VIÊN

Thiền sư Khoa Phong Tông Mật người Tây Sung, Quả Châu. Họ Hà, gia đình vốn giàu có. Lúc trẻ con, thông sách Nho đến tuổi trưởng thành lại nghiên cứu sách Phật.

Thời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ hai, nhân sắp dự kỳ thi cử nhân tình cờ đến thăm pháp tịch của Hòa thượng Viên vui mừng khế ngộ, liền cầu được xuống tóc. Ngay năm đó thọ đủ giới.

Ngày nọ, theo chúng tăng phó trai tại nhà phủ lại Nhâm (Nhậm) Quán, ở vị trí thấp đoạn theo thứ bậc trên dưới mà thọ nhận sách kinh, nhận được Viên Giác Thập Nhị Chương. Xem chưa hết tập đã cảm ngộ rơi lệ.

Sư trở về nêu chỗ ngộ huyền chỉ với Hòa thượng Viên, Viên an ủi:

- Ông sẽ rộng truyền giáo viên đốn, đây là chư Phật đã trao cho ông đấy, cứ đi đi, đừng tự dưng kẹt nơi góc xó này !

Sư khóc lóc vâng lời dạy, cúi lạy từ biệt ra đi.

Nhân ra mắt Thiền sư Trương ở Kinh Nam (Nam Ân), Thiền sư Trương nói:

- Người truyền giáo nên tuyên thuyết đạo nơi đế đô.

Lại yết kiến Thiền sư Chiêu ở Lạc Dương (Phụng Quốc Thần Chiêu), Chiêu nói:

- Bồ-tát trong cõi người, ai hay biết được?

Sau đó, đến vùng Tương, Hán, nhân lúc đau ốm, có ông tăng trao tập Hoa Nghiêm Sớ của Đại sư Trùng Quán tại Thượng Đô biên soạn. Sư chưa từng nghe biết, học tập, vừa xem qua liền giảng ngay, đắm ra vui mừng với chỗ thấu biết. Nói:

- Đối với chư sư trước giờ thuật tác, rất hiếm khi diễn tập yếu chỉ, chẳng như tập sớ này, lời lẽ gốc nguồn thông suốt, chỗ sâu xa bừng sáng. Ta đây Thiền gặp Nam tông, Giáo gặp Viên Giác, một lời vừa nói ra tâm địa khai thông. Trong một tập sách mà nghĩa thiên rạng rỡ. Nay bỗng gặp tập sách tuyệt bút này, rất rạo nơi lòng.

Chú: Gọi đủ là ‘Đệ nhất nghĩa thiên’, ‘Đệ nhất nghĩa tịnh thiên’ tức chỉ chư Phật, Bồ-tát trụ Niết-bàn, vì lấy giải rõ nghĩa của chư pháp, cho nên lấy diệu lý của đệ nhất nghĩa không gọi là thiên, tức nghĩa thiên trong tứ thiên.

Khi giảng xong, nghĩ muốn gặp tác giả tập sớ. Bây giờ có người học trò là Thái Cung đã tự chặt tay báo ân. Sư gửi thư trước đến tác giả tập sớ, từ xa giải bày lễ thầy trò. Thư đáp lại cũng chúc mừng và an ủi. Khi Thái Cung khỏi bệnh, sư cùng người hầu đến Thượng Đô ra mắt Trùng Quán theo lễ đệ tử. Trùng Quán nói:

- Tì Lô hoa tạng, kẻ được cùng đi với ta chính là ông đó !

Sư dự vào thất Trùng Quán chỉ ngày ngày thấy cái Đức của Quán càng mới mà cái hoạn họa ‘nhận nôm là voi’ cũng mãi mãi tiêu mất luôn.

Sư chu du về phương Bắc đến núi Thanh Lương, sau lại trụ ở chùa Thảo Đường tại Hộ huyện, chẳng bao lâu lại vào chùa Khoa Phong ở Chung Nam. Khoản niên hiệu Đại Hòa vua triệu vào hoàng cung ban tứ ‘cà-sa tía’ và thường hỏi pháp yếu, cả triều sĩ đều qui mộ.

Duy tướng quốc Bùi Hưu là thâm nhập chỗ áo diệu thọ giáo làm ngoại hộ.

Sư thấy các học giả của Thiên và Giáo chống báng lẫn nhau, bèn sáng tác sách ‘Thiên Nguyên Chư Thuyên (các giải thích về nguồn gốc của Thiên) ghi chép trước thuật của các nhà, trình bày cặn kẽ đạo lý căn nguyên của Thiên môn, văn tự, các câu cú, các bài kệ, tập hợp thành một tạng (hoặc nói là 100 quyển) để lại cho đời sau. Trong lời Đô Tự viết sơ lược: ‘Thiên là tiếng Thiên Trúc (Ấn Độ) nói đủ là Thiên-na dịch nghĩa là tu theo phương pháp tư duy còn gọi là tịnh lự, là tiếng thông xưng của định và huệ. Nguyên chân tánh bản giác của tất cả chúng sanh, còn gọi là Phật tánh cũng gọi là tâm địa. Ngộ được cái đó là huệ, tu sửa nó gọi là định. Định huệ đều thông là Thiên. Cái tánh đó là nguồn gốc của Thiên, vì vậy gọi là nguồn Thiên, cũng gọi là Thiên na’.

Xét về mặt lý hành nguồn gốc của nó là Thiên lý, quên tình để khế hợp với nó là Thiên hành, vì vậy gọi là lý hành. Nay gom thuật tác các nhà lại thì thấy, nói nhiều về Thiên lý, nói ít về Thiên hành, cho nên tạm lấy nguồn Thiên làm đề. Ngày nay có người chỉ thấy chân tánh là Thiên, là không đạt được ý chỉ về lý hành cũng không biện biệt được âm của tiếng Trung Hoa và Tây Trúc. Nhưng chẳng rời khỏi chân tánh, không có Thiên thể. Chỉ vì chúng sanh mê muội về cái thật, chạy theo các hiện tượng huyễn ảo của cõi trần, gọi là tán loạn. Quay lưng với trần ảo, trở lại với chân thật mới gọi là Thiên định. Nếu như nói thẳng về bản tánh tức là không phải chân, cũng không phải vọng, không có quay lưng cũng không có chạy theo, không định không loạn thì ai gọi là Thiên chứ? Huống chi chân tánh

không phải chỉ là nguồn gốc của Thiền mà còn là nguồn gốc của vạn pháp, vì vậy gọi là pháp tánh, cũng là nguồn gốc của sự mê ngộ của chúng sanh, nên gọi là tạng thức của ‘Nhu Lai tạng’ (trích kinh Lăng Già). Đó cũng là nguồn gốc vạn đức của chư Phật, vì vậy gọi là Phật tánh (các kinh Niết Bàn). Cũng là nguồn gốc vạn hạnh của Bồ-tát, vì vậy gọi là tâm địa (Phẩm Tâm Địa Pháp Môn kinh Phạm Võng nói: ‘Đó là nguồn gốc của chư Phật, là căn bản của việc thực hành Bồ-tát đạo, cũng là căn bản của đại chúng Phật tử’). Vạn hạnh không rời khỏi sáu pháp Ba-la-mật. Thiền chỉ là một trong sáu pháp đó, đương là pháp thứ năm, lại có thể nhìn thẳng vào chân tánh để làm một Thiền hạnh sao? Mà Thiền định là một hạnh thần diệu nhất, có khả năng phát khởi trí huệ vô lậu, nơi bản tánh tất cả diệu dụng, vạn hạnh vạn đức, cho đến thần thông sáng rỡ đều từ định mà ra. Vì vậy người ở ba thừa muốn cầu thành đạo đều nên tu Thiền. Rời khỏi nó thì không có cửa, rời khỏi nó thì không có đường đi nào. Đến như niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, cũng nên tu mười sáu pháp Thiền quán cùng với niệm Phật Tam-muội, Bát chu Tam-muội.

Lại nữa chân tánh không dơ không sạch, phàm Thánh đều không sai khác. Thiền môn tất có cạn có sâu, có nhiều đẳng cấp sai biệt. Nếu nói rằng do có những pháp môn khác nhau mà tu theo pháp cao, chán pháp thấp, đó là Thiền ngoại đạo, tin đúng theo nhân quả lại cũng lấy vui chán mà tu là Thiền phàm phu. Ngộ được bản ngã là không, nhưng thiên về chân lý mà tu là Thiền Tiểu thừa. Ngộ được ngã và pháp đều là không, hiển lộ chân lý mà tu là Thiền Đại thừa (Bốn loại trên đều có bốn Có, bốn Không khác nhau). Nếu đốn ngộ tự tâm, bản lai thanh tịnh, vốn không có phiền não, trí tánh vô lậu vốn tự đầy đủ, tâm đó tức là Phật, chỗ đến cuối cùng không là gì khác, theo đó mà tu là Thiền tối thượng thừa, cũng gọi là Như Lai thanh tịnh Thiền, cũng gọi là nhất hạnh Tam-muội, cũng gọi là chân như Tam-muội. Đó là căn bản của nhất thiết Tam-muội.

Nếu có thể tu tập ở từng niệm, tự nhiên dần dần đạt được trăm ngàn Tam-muội. Pháp Thiền mà các đệ tử của Đạt Ma truyền thừa nhau, chính là cái Thiền này. Khi Đạt Ma chưa đến, giải thích của các

nhà từ trước đến nay đều là bốn pháp Thiền đầu, tám thứ định, chư cao tăng tu theo đều có công dụng. Nam Nhạc, Thiên Thai bảo y theo lý ba đế mà tu theo ba môn chỉ và ba môn quán, giáo nghĩa tuy rất viên diệu nhưng việc nhập môn qua nhiều thứ lớp cũng chỉ là các môn Thiền hành tướng nói trên. Chỉ có môn Thiền của Đạt Ma truyền là đốn ngộ đồng với Phật, thể khác xa với các môn khác. Do đó những người tu tập trong Tông môn cũng khó đạt được Tông chỉ. Đạt được tức thành chánh, mau chứng quả Bồ-đề. Thất tức thành tà, chóng rơi vào chỗ làm than. Các Tổ sư đi trước, đề phòng việc mê làm thất bại nên mỗi người chỉ truyền cho một người. Đòi sau đã có chỗ dựa, mới để mặc muôn ngàn ngọn đèn, muôn ngàn tòa chiếu. Đến khi pháp lâu ngày thành lệ, nhiều sai lầm, người học nghi ngờ chê bai kinh điển càng đông. Lúc ban đầu Phật thuyết đốn giáo tiệm giáo, Thiền mở đốn môn tiệm môn. Hai giáo, hai môn thứ nào phù hợp thứ nấy. Nay người giảng kinh (Giáo môn) thiên về tiệm nghĩa, người tu Thiền thiên về đốn tông. Thiền và Giáo gặp nhau, xa cách như nước Hồ (phương Bắc) nước Việt (phương Nam). Tông Mật tôi không biết đời trước làm gì, mà hun đúc được tâm này, tự mình chưa giải thoát, lại muốn giải thoát sự trói buộc của người khác, vì pháp mà quên mình, lo cho người trọn cả thân tình. (Lại như kinh Tịnh Danh nói: ‘Nếu như tự mình bị trói buộc mà có thể giải thoát sự trói buộc của người khác là không thể có chuyện đó. Nhưng muốn bãi bỏ cái không thể thì phải nghiệm cái tập quán khó đổi). Luôn than người vì pháp sai, pháp vì người mà bệnh. Vì vậy tuyền riêng chọn chú giải kinh luật luận, mở rộng cửa giới định huệ, làm sáng tỏ đốn ngộ, đầu tư cho tiệm tu, chứng minh Tổ sư nói phù hợp với Phật ý. Ý đã hiểu biết gốc ngọn, vẫn lại rộng rãi mà khó tìm. Người học tuy đông nhưng người nắm được chí thì ít, hướng chi lại tìm dấu vết qua danh tướng, ai phân biệt được vàng thau? Chỉ tỏ tự mình mệt nhọc mà không thấy được cơ cảm ngộ. Tuy Phật thuyết từ bi lại thêm phần thực hành, nhưng Mật tôi tự lo ái kiến khó đề phòng, bèn bỏ đồ chúng vào núi, tập định và huệ. Trước sau tập ngưng tư lự mười năm liên tục, cái tập khí vi tế khởi diệt hiện rõ nơi tĩnh huệ. Sự sai biệt về pháp nghĩa hiện ra khắp

nơi trong cái tâm trống rỗng. Tia sáng mặt trời rơi qua lỗ hồng, những hạt bụi nhỏ bay tán loạn. Nước đầm trong nhìn thấy đáy, hình ảnh rõ mồn một. Há có thể ví với môn Thiền si ngốc vắng lặng sao. Chỉ tìm trong văn chương chữ nghĩa mà muốn đắc huệ chỉ là cuồng dại vậy !

Nhân vì tôi rõ tự tâm mà biện biệt chư giáo, cho nên hết tình nơi Tâm tông, nhân vì biện biệt chư giáo mà hiểu tu tâm, và như vậy lòng thành càng bền chặt với Giáo nghĩa. Giáo là phần kinh luận mà chư Phật và Bồ-tát để lại. Thiền là các câu nói, bài kệ do các thiện tri thức truyền thuật. Nhưng khi bắt đầu có kinh Phật, kinh điển nhiều đến 1.008 bộ. Các bài kệ Thiền thì tóm lược chỉ có một loại là cơ. Nhiều loại quá ắt mênh mông khó tìm được chỗ dựa, còn tựa cơ tức là chỉ thẳng thì dễ dùng. Nay soạn tập ra, ý là như thế.

Bùi Hữu làm bài tựa rằng: Trong các Tông môn đều có người đạt đạo, nhưng mỗi người đều an trong sự tu tập của mình, thông suốt thì ít mà hạn hẹp thì nhiều, do đó mà mấy mươi năm trở lại đây, sư và pháp càng thêm suy hoại, nói là kế thừa làm tiêu chuẩn, mỗi người tự triển khai kiến giải, lấy kinh luận làm giáo mác, công kích lẫn nhau, tình cảm tùy ưa ghét mà biến đổi. Pháp chạy theo nhân ngã làm cao thấp, thị phi nhiều mối, không thể phân tích được. Trước đây, Thế Tôn, Bồ-tát và các Giáo tông các nơi dần bước ngăn chặn hậu nhân làm sai, tăng thêm bệnh phiền não thì có lợi ích gì ?

Đại sư Khoa Phong của tôi từ lâu than thở rằng: ‘Ta ở vào thời này, không thể im lặng vậy’. Thế là lấy ba loại giáo nghĩa của Như Lai, ẩn cùng ba loại pháp môn của Thiền tông, nấu chảy bình, mâm, thoa, xuyên là để làm chung món đồ bằng kim loại. Khuấy tô, lạc, đê, hồ (sữa) để làm một món ăn, nêu cương lĩnh mà mọi người thuận theo.

Căn cứ vào chỗ trọng yếu mà người đến cùng một đường. Bài Đô Tự rằng dựa trên viên giáo để ấn định Tông môn, tuy trăm nhà mà không có chỗ nào không thông nhất vậy. Vẫn còn sợ rằng người học khó hiểu, nên lại chỉ thẳng gốc ngọn Tông môn, sự hòa hợp chân vọng, sự ẩn hiện của tánh không, sự sai biệt của pháp nghĩa, sự dị đồng của đốn tiệm, sự ẩn giấu và biểu lộ của quan hệ, sự sâu cạn của

quyền tạm và thực, sự đúng sai của tổng thể và cục bộ. Như thầy tôi, nắm chắc ánh sáng Phật mà xem xét lại kỹ càng mọi lẽ, các nghi hoặc đều tận trừ, thuận theo tâm Phật mà hoằng tuyên đại bi, cả đời trọn được lợi ích, tức Thế Tôn là chủ xiển dương mỗi đạo, còn thầy tôi là người hiểu đạo, gốc ngọn phù hợp, xa gần phản chiếu nhau, có thể nói là năng suốt một đời phụng sự Phật giáo. Hoặc có người nói: ‘Từ thời Như Lai, chưa từng chú trọng thông suốt nó, nay một sớm nghịch ý chỉ của tông mà không giữ lễ thói, phế bỏ quan ải mà không giữ, há không làm sai lạc cái đạo bí tạng mật khế đó sao?’. Đáp rằng: ‘Như Lai ban đầu tuy có nói riêng tam thừa nhưng sau khai thông thành một thừa’.

(Ba mươi năm trước hoặc thuyết Tiểu thừa hoặc thuyết Không giáo, hoặc thuyết Tướng giáo, hoặc thuyết Tánh giáo, người nghe tùy căn cơ mà chứng ngộ, không thể nói ra cho nhau biết được. Bốn mươi năm sau, ở trên núi Linh Thứu mà thông nhất tam thừa. Đến Câu Thi mà hiển bày một tánh, trước sau đều theo khuôn phép đó). Vì vậy trong kinh Niết Bàn, Bồ-tát Ca Diếp nói: ‘Chư Phật có mật ngữ không có mật tạng’. Thế Tôn khen ngợi rằng: ‘Lời của Như Lai khai phát hiển lộ, trong sáng không có gì khuất lấp người ngu không hiểu được, gọi đó là bí tạng, người trí thấu rõ, không gọi là tạng’, đó là bằng chứng vậy. Do đó khi vương đạo hưng thịnh công ngoài không đóng, mà thủ giữ tại Nhung Di (bốn phương). Phật đạo đầy đủ ắt các pháp tổng trì mà ngăn phòng đối với các ma nên ngoài (Niết-bàn viên giáo là tổng hợp các pháp, chỉ tách biệt ma thuyết và ngoại đạo tà tông) chứ không phải có thái độ chấp tình cung tay trong đó.

(Sư lại sáng tác các bài luận Viên Giác đại tiểu nhị sở sao, Pháp giới quán môn, nguyên đều do Bùi Hưu viết lời tựa, lưu hành trong đời).

Chú: Theo nguyên văn, tiếp theo câu này là đoạn nói về cuối đời của sư, chúng tôi mạn phép đưa xuống chót.

Túc Miễn tướng công trình kiến giải của mình, thỉnh sư chú thích. Sư nói:

- Hà Trạch Thần Hội nói rằng: ‘Cái thấy bản thể thanh tịnh ở các Tam-muội, và tám vạn bốn ngàn pháp môn Ba-la-mật đều dựa trên cái thấy cùng lúc phát huy tác dụng, gọi là huệ nhãn, nếu ngay lúc tương ứng với chân như muôn vạn biến hóa tất nghỉ. Lúc đó thì không có cái thấy, các pháp Ba-la-mật Tam-muội cũng cùng lúc vắng bật, không có sở đắc, bờ bên này và bờ bên kia, đều là do đối đãi với nhau mà nói. Nếu biết tâm là vô niệm, thấy tánh là vô sanh, ắt là định loạn, chân vọng, cùng lúc ngưng bật, vì vậy vô sở đắc. Không xét rõ đó là dựa trên cái thấy cùng lúc khởi dụng sao?. Hướng về nó mà nỗ lực cố gắng !

Trả lời 10 câu hỏi của Sử Sơn Nhân:

1- Hỏi: Đạo là thế nào? Làm sao tu đạo, tất phải cần tu thành hay không cần công dụng?

Đáp: Vô ngại là đạo, biết rõ vọng tưởng là tu. Đạo tuy vốn tròn đầy, nhưng do vọng mà rối rắm, vọng niệm dứt bật tức là tu thành.

2- Hỏi: Đạo nếu do tu mà thành, tức là tạo tác, vậy thì đồng với pháp thế gian, hư nguy không chân thật, thành rồi lại hoại, sao gọi được là xuất thế?

Đáp: Tạo tác là kết nghiệp, gọi là thế gian hư nguy, không tạo tác mới là tu hành, tức là pháp xuất thế chân thật.

3- Hỏi: Cái pháp để tu có đốn có tiệm, tiệm tức quên trước mất sau, làm sao có thể tập trung để mà thành; đốn tức vạn hạnh nhiều phương thức há có thể cùng lúc viên mãn chăng?

Đáp: Chân lý là ngộ mà viên mãn tức thời, vọng tình tắt mà dần dần dứt. Đốn viên như đưa trẻ sơ sinh một ngày sinh ra thì tay chân mình đầy đủ. Tiệm tu giống như nuôi dưỡng lâu ngày mới thành người lớn nhiều năm thì chí khí mới thành lập.

4- Hỏi: Phạm pháp tu tâm địa khi ngộ được tâm tức là xong việc, hay lại phải có các pháp hành môn. Nếu riêng có các pháp hành môn thì sao gọi là chỉ ý đốn ngộ của Nam tông? Nếu ngộ tức đồng chư Phật, tại sao không có thần thông quang minh?

Đáp: Biết cái ao đóng băng toàn là nước, nhờ vào sức nóng mặt trời mà băng tan chảy. Ngộ phạm phu cũng là chân thật, dùng pháp

lực để tu tập. Băng tan thì nước chảy thông, mới có công dụng tưới tiêu. Vọng hết thì tâm linh thông, mới phát sinh được ứng dụng thông sáng. Ngoài tu tâm ra không có pháp môn thực hành nào khác.

5- Hỏi: Nếu chỉ tu tâm mà đắc Phật, sao các kinh lại nói cần phải trang nghiêm Phật độ, giáo hóa chúng sanh mới gọi là thành đạo?

Đáp: Gương sáng nhưng ảnh tượng có muôn ngàn sai biệt, tâm tịnh thì thần thông có muôn ngàn ứng dụng. Ảnh tượng ví với trang nghiêm Phật quốc, thần thông ví với giáo hóa chúng sanh. Trang nghiêm cũng không phải là trang nghiêm, ảnh tượng sắc cũng không phải là sắc.

6- Hỏi: Các kinh đều nói độ thoát chúng sanh, nhưng chúng sanh không phải là chúng sanh, vì sao phải nhọc công độ thoát?

Đáp: Nếu chúng sanh là thật, độ họ là nhọc công, đã tự nói rằng chúng sanh tức không phải chúng sanh, sao không nói rằng độ mà không độ?

7- Hỏi: Các kinh nói Phật thường trụ hoặc cũng nói Phật diệt độ, thường tức bất diệt, diệt tức không phải là thường, không trái nghịch nhau sao?

Đáp: Rời khỏi tất cả tướng tức gọi là chư Phật, làm sao có xuất thế nhập diệt là thật được? Thấy xuất hiện và mất đi chỉ là cơ duyên mà thôi. Cơ duyên ứng ắt xuất hiện dưới gốc cây Bồ-đề, cơ duyên hết ắt nhập Niết-bàn giữa rừng Sa-la. Giống như mặt nước yên lặng vô tâm, không có hình tướng thì không hiện ra, hình tướng không có bản ngã, chỉ là cái chất hiện bên ngoài tới lui cũng giống như vậy, tướng không phải thân Phật, há có sự xuất hiện và mất đi của Như Lai sao?

8- Hỏi: Phật hóa sanh thế nào? Tôi sanh ra như người khác sanh vậy. Còn nói Phật đã không sanh, việc sanh ra có nghĩa gì? Nếu nói rằng tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt, cần gì phải đắc vô sanh pháp nhãn chứ?

Đáp: Đã nói là hóa, hóa tức là không có, không tức là vô sanh, sao hỏi ý nghĩa của sanh làm gì? Sanh diệt diệt rồi tịch diệt mới là thật, có thể nhãn được pháp vô sanh đó, gọi là vô sanh pháp nhãn.

9- Hỏi: Chư Phật thành đạo thuyết pháp để độ thoát chúng sanh, chúng sanh có tới sáu đường, sao Phật chỉ trụ hiện tại cõi người mà hóa độ? Lại còn chuyện khi Phật tịch diệt, giao pháp lại cho Ca Diếp, lấy tâm truyền tâm, đến nay là Tổ thứ bảy (Bản Thanh tạng và Tục tạng đều ghi là Tổ thứ sáu) mỗi đời chỉ truyền cho một người, đã nói là tất cả chúng sanh đều là con một, sao không truyền rộng khắp?

Đáp: Mặt trời mặt trăng sáng rõ trên không, chiếu sáng khắp cõi lục hợp, nhưng người mù thì không thấy, ở dưới cái chậu úp thì không biết, không phải mặt trời mặt trăng không chiếu khắp, đó là lỗi do sự chướng ngại ngăn cách, độ hay không độ, ý nghĩa là như vậy. Không phải chỉ hạn chế ở cõi trời cõi người mà gạt bỏ súc sanh, ngạ quỷ, nhưng chỉ có cõi người có khả năng kết lập, truyền thọ không dứt, do đó chỉ biết Phật hiện ra ở cõi người. Khi Phật diệt độ, giao phó lại cho Ca Diếp, kế tiếp nhau truyền thừa. Mỗi người chỉ truyền cho một người, đó chỉ là nói về người đứng đầu tông phái của mỗi đời, giống như một lãnh thổ không có hai vua, chứ không phải người được độ chỉ là con số đó.

10- Hỏi: Hòa thượng vì sao mà phát tâm, mền mộ pháp nào mà xuất gia? Nay tu hành như thế nào, đã đắc pháp vị gì, thực hành đến mức độ nào, nay trụ ở tâm, hay tu tâm chãng? Nếu trụ ở tâm, phương hại cho việc tu tâm. Nếu tu tâm thì động niệm bất an, sao gọi là học đạo? Nếu an tâm định ở một chỗ thì có khác gì định tánh? Xin đại đức lấy đại từ bi, lý chân như, tuần tự mà nói.

Đáp: Giác ngộ tứ đại là hư huyễn, hiểu lục trần như hoa đóm trong hư không, ngộ tâm mình là tâm Phật, thấy bản tánh là pháp tánh, đó là pháp tâm. Biết tâm là vô trụ tức là tu hành, vô trụ mà biết tức là pháp vị. Trụ ở pháp, đó là động niệm, giống như người bước vào bóng tối ắt không thấy gì cả, nay không có chỗ trụ không nhiễm không trước. Cho nên như người có mắt, khi mặt trời sáng rõ, thấy mọi thứ pháp, há là dám định tánh sao? Đã không trụ trước, sao lại cho là xứ sở.

Lại Thượng thư Ôn Tạo ở Sơn Nam hỏi:

- Người ngộ lý ngừng vọng, không tạo nghiệp, sau khi chết linh tánh nương dựa vào đâu?

Sư nói:

- Tất cả chúng sanh không ai không có giác tánh, linh minh sáng suốt vắng lặng, không khác gì Phật, chỉ vì từ vô thủy kiếp đến nay, chưa từng liễu ngộ, nhận lầm rằng thân thể là hình tướng của ta rồi sanh ra các tình ưa ghét, theo tình mà tạo nghiệp, tùy nghiệp mà thọ báo, sanh lão bệnh tử, luân hồi mãi mãi. Thế nhưng cái giác tánh trong thân chưa từng sanh tử, giống như trong mộng thấy bị sai khiến nhưng thân vốn vẫn an nhiên. Như nước đóng băng nhưng tánh ướt thì không thay đổi. Nếu ngộ được tánh ấy, chính là Pháp thân, vốn tự nhiên có sẵn không phải do sanh ra thì làm gì có chỗ để nương dựa vào. Linh tánh không mê, thường hiểu rõ tất cả, không từ đâu đến mà cũng không đi về đâu. Chỉ vì phát sanh nhiều vọng chấp, thói quen là do tánh mà ra, mừng giận, buồn vui, nhỏ nhiệm tuôn rót. Chân lý tuy có thể đón ngộ, nhưng tình thì khó trừ cho hết. Phải lâu dài hiểu rõ tường tận, giảm bớt dần dần mới ngưng. Há có thể tu một đời mà bằng được cái lực dụng của chư Phật? Chỉ có thể lấy cái không vắng lặng làm tự thể. Đừng có nhận sắc thân này làm mình, lấy linh tri làm tự tâm. Đừng có nhận vọng niệm. Nếu vọng niệm khởi lên thì cũng đừng theo nó. Như thế lúc lâm chung, tự nhiên nghiệp không thể cột trói. Tuy có thân trung ấm, nhưng chỗ hướng đến thì tự do, cõi trời hay cõi người, có thể tùy ý ký thác. Nếu như niệm ưa ghét đã hết, tức là không thọ nhận cái thân phận giả, tự có khả năng biến sở đoản thành sở trường, từ thô thành diệu. Nếu các tập khí vi tế tuôn đổ, tất cả đều mất hết, chỉ có đại trí tròn đầy sáng suốt, tồn tại một mình, tùy cơ ứng hiện ngàn muôn ức hóa thân, độ chúng sanh hữu duyên gọi là Phật.

Giải thích: Bồ-tát Mã Minh lược trích Tông chỉ của trăm quyển kinh Đại thừa để tạo ra Đại Thừa Khởi Tín Luận. Trong bộ luận này, lập Tông chỉ nói rằng tất cả tâm chúng sanh có giác nghĩa hay không giác nghĩa, trong giác lại có bốn giác nghĩa, thí giác nghĩa. Những điều nói trên, tuy đơn giản nói về lý quán chỗ tâm mà nói, nhưng pháp nghĩa thì cũng đồng. Luận ấy, cho rằng từ đầu tới 'cùng Phật

không khác', chính là bốn giác vậy. Từ 'Đản dĩ vô thủy' trở xuống là bất giác. Từ 'Nhược năng ngộ thử sự' trở xuống là thử giác vậy. Trong thử giác lại có đốn ngộ tiệm tu, từ 'Thử khứ' đến 'Diệc vô sở khứ' là đốn ngộ vậy. Từ 'Nhiên đa sanh vọng chấp' về sau là tiệm tu vậy. Trong tiệm tu từ 'Sơ phát tâm' cho đến 'Thành Phật' có ba giai vị tự tại, từ lúc đầu đến 'Tùy ý ký thác' là thọ sanh tự tại. Từ 'Nhược ái ô chi niệm' về sau là biến dịch tự tại. Từ 'Nhược vi tế lưu chú' đến cuối cùng là cứu cánh tự tại. Lại từ 'Đản khả dĩ không tịch vi tự thể' đến 'Tự nhiên nghiệp bất năng hệ' chính là một mục quan trọng mà người ngộ lý sáng chiêu thực hành tâm tu tập chỉ quán vậy.

Tông Mật trước hết nêu ra 86 câu kệ hiển thị ý này, đã từng đọc nó ở chỗ quan Thượng thư, phụng mệnh giải thích. Nay xin chú thích như sau:

Kệ rằng:

作有義事是惺悟心
作無義事是狂亂心
狂亂隨情念
臨終被業牽
惺悟不由情
臨終能轉業

Phiên âm:

Tác hữu nghĩa sự thị tỉnh ngộ tâm
Tác vô nghĩa sự thị cuồng loạn tâm
Cuồng loạn tùy tình niệm
Lâm chung bị nghiệp khiên
Tỉnh ngộ bất do tình
Lâm chung năng chuyển nghiệp.

Tạm dịch:

Làm chuyện nghĩa lý là tâm tỉnh ngộ
Làm chuyện vô nghĩa là tâm loạn cuồng
Cuồng loạn do tình niệm
Lâm chung bị nghiệp lôi

*Tỉnh ngộ không do tình
Lâm chung chuyển được nghiệp.*

Chú giải:

Câu một: Nghĩa đây là nghĩa lý không phải nhân nghĩa, hay ân nghĩa, ý nêu rõ phạm làm sự việc gì trước phải rõ lợi hại, nên thích đáng với đạo lý, sau đó mới hành động, mới không giống với kẻ say mèm hoặc khùng điên. Trong Phật pháp có ba nghĩa. Thứ nhất phải tư ích sắc thân, nghĩa là quần áo, thuốc men, chỗ ở là nghĩa thế gian. Thứ hai, tư ích Pháp thân, nghĩa là giới định tuệ, sáu Ba-la-mật, đệ nhất nghĩa vậy. Thứ ba là hoằng dương Chánh pháp, lợi tế quần sanh, cho đến chư duyên sự vì pháp, thông thể xuất thế.

Câu hai: Phạm mọi hành vi nếu không nương ba sự việc nêu trên, tức gọi là vô nghĩa, là cuồng loạn vậy, giống như ở thế gian kẻ say rượu và kẻ khùng điên tới đâu cũng không biết chỗ nơi, việc làm không tính phải trái. Nay chẳng chọn lựa điều gì có lợi, buông thả vọng niệm, cần làm gì là làm, như điên khùng vậy. Trên bốn câu thuật nghiệp nhân, dưới bốn câu thuật quả báo.

Câu ba và bốn: Đã theo vọng niệm, muốn làm gì thì làm không dùng trí ngộ lý chọn lựa phải trái như người điên, cho nên lúc sắp chết, bị nghiệp lôi kéo, chịu báo tương lai. Cho nên kinh Niết-bàn nói: ‘Vô minh lang chủ, tham ái ma vương, sai khiến thân tâm, coi như đĩa trôi’.

Câu năm và sáu: Tình thức muốn làm, nhưng xét lý không ưng, tức dừng lại liền. Tình thức không muốn làm, nhưng đối chiếu với lý thấy ưng thuận, liền làm ngay. Ấy chỉ là do lý phải trái, chứ không phải do tình thương ghét, đến lúc sắp chết, nghiệp không thể trôi buộc, tùy ý tự tại, trên trời dưới thế. Nói chung, trong khoản sớm tối, hành vi bị tình trần lôi kéo, lâm chung bị nghiệp lôi kéo mà thọ sanh. Còn nếu việc làm do giác trí không do tình trần, thì khi lâm chung do mình tự tại mà thọ sanh, chứ không do nghiệp. Do đó mà muốn nghiệm để biết khi lâm chung có tự tại hay không, thì chỉ cần nghiệm xem bình thường hành vi có tự do hay không.

Sư ngày mùng 6 tháng giêng năm đầu niên hiệu Hội Xương, tại tháp viện Hưng Phước ngồi mà thị diệt. Ngày 22, đạo tục phụng toàn thân lên núi Khoa Phong. Ngày 13 tháng 2 làm lễ trà tì, được xá-lợi to lớn trắng tinh, sáng láng, về sau, môn nhân khóc mà cầu xin thì đều tìm được xá-lợi trong đồng tro tàn, đem cất giấu trong thạch thất.

Sư thọ 62 tuổi, thọ lập 34. Sư để lại lời dặn dò ra lệnh đem thầy thí cho chim muông ăn, thiêu xương cốt rải ra. Không được quyền luyện xốt thương làm nhiều loạn Thiên quán, mỗi năm đến ngày lễ Thanh minh lên núi giảng đạo bảy ngày. Kỳ du nghi thức trụ trì phải cử hành hợp với luật khoa, ai làm trái lại không phải là đệ tử ta. Ngày đi quan tứ chúng mặc đồ tang có cả ngàn người, khóc than bi ai vang động cả đồng dã. Kịp đến khi vua Tuyên Tông mở mang lại chân giáo, truy thụy Định Tuệ tên Thanh Liên.